

Instructions: click the pictures to listen and click the icon below to record your phrases.

泰国 tài guó
Thailand



开车 kāi chē
driving



车站 chē zhàn
bus stop



缆车 lǎn chē
cable car



芒果 máng guǒ
mango



商店 shāng diàn
shop



书包 shū bāo
schoolbag



蛋糕 dàn gāo
cake



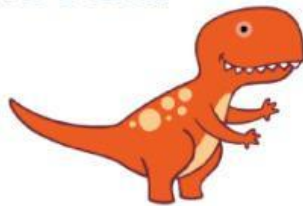
猴子 hóu zi
monkey



狗 gǒu
dog



恐龙 kǒng lóng
dinosaur



山洞 shān dòng
cave

